

KITÔ GIÁO: SỰ ĐỔI MỚI TRONG VĂN HÓA NGƯỜI MÔNG¹

Chương III

NHỮNG THAY ĐỔI GẦN ĐÂY TRONG VĂN HÓA NGƯỜI MÔNG

Trong những năm từ 1940 đến 1950, có thể nhận thấy nhiều thay đổi đã diễn ra trong văn hóa người Mông sống tại Lào. Những người Mông này đã trôi dạt từ Trung Quốc về phương Nam được khoảng ba thế hệ. Họ đến khu vực và hòa cùng các dân tộc khác ở đó, chịu ảnh hưởng của phương Tây và cũng chính tại đó họ bị hàng loạt các cuộc chiến tranh và các biến động chính trị bủa vây. Từ năm 1940, quyền kiểm soát Lào đã từ người Pháp chuyển sang người Nhật, người Lào và sau đó lại quay về người Pháp - người mà họ vừa mới thoát khỏi không lâu. Trong thời kỳ loạn lạc, nhiều nhóm dân tộc trên địa bàn bị đặt vào tình trạng nguy hiểm, khó khăn chung. Chính hoàn cảnh đó đã đưa họ xích lại gần nhau và hợp tác với nhau. Do vậy, ngày càng tăng thêm những thay đổi diễn ra liên tục trong các nền văn hóa, người Mông bị đặt dưới sức ép gay gắt.

Nếu đem so sánh tình trạng của người Mông trước năm 1950 với những gì còn giữ được sau năm 1950 thì thấy đáng ngạc nhiên. Tôi (tác giả) không cố gắng phân tích tâm lý đưa tới những thay đổi đã diễn ra trong các giai đoạn quan trọng của cuộc sống người Mông. Quang cảnh buổi chợ năm 1950 cho thấy rất nhiều người Mông tham gia vào các hoạt động mua bán. Một thập niên trước đó rất hiếm khi nhìn thấy họ trong thị trấn.

Hiện nay, nhiều người Mông được tuyển dụng làm việc hưởng lương. Hãng hàng không có nhân viên người Mông làm công việc khâu vá hàng hóa. Người Mông phụ việc cho các thợ thủ công địa phương sản xuất gạch, làm mộc hoặc xây dựng. Số khác được thuê

¹ Nguyên văn: *Christianity: Innovation in Meo Culture*. Đây là tiêu đề luận văn tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ của George L. Barney ở Đại học Minnesota năm 1957.

làm công việc nhà hay làm vườn, một số tìm được việc làm từ những việc bảo trì đường bộ hoặc sửa chữa các cửa hàng. Tác giả không cho đây là một phong trào phổ biến đi tìm việc làm công ăn lương như thường gặp ở các vùng mỏ của châu Phi. Người Mông sử dụng lương như một nguồn thu nhập phụ thêm vào sinh kế từ nghề làm vườn.

Một số người Mông thực sự chuyển đổi nền kinh tế của họ. Tôi được biết một số người đã cho thuê ruộng đất của mình để sử dụng vào việc canh tác lúa nước. Một số người trong số họ được Touby khuyến khích và cam kết tài trợ. Một số khác trở thành công nhân cơ khí, được đào tạo trở thành nhân viên y tế và chuyên gia các ngành khác.

Phần lớn người Mông vẫn duy trì nền kinh tế cơ bản dựa trên việc trồng lúa nương. Tuy nhiên, ở đây rõ ràng là đã có xu hướng thay đổi hướng tới nền kinh tế tiền mặt. Người Mông nóng lòng được sở hữu cái yên ngựa, con dao, cái cưa hay các dụng cụ khác của châu Âu. Những người sống gần thị trấn mua xe đạp, xe máy và một số thậm chí còn có cả xe jeep. Hầu hết người Mông đều mong muốn có những khẩu súng châu Âu. Họ muốn mua thuốc, kính râm, thậm chí màu sắc sặc sỡ, giày, ủng, đèn pin và một số thứ lặt vặt được bán tại các cửa hàng ở Xieng Khouang. Những nhu cầu đó đòi hỏi có thu nhập tiền mặt. Tiền mặt này có được chủ yếu từ thuốc phiện, lương và từ việc bán các thứ phụ thêm khác.

Người Mông có khả năng khám phá và chấp nhận những cái mới. Điều này được minh họa nhiều lần khi có cái gì mới được du nhập vào khu vực của họ. Sự tò mò của người Mông đã làm cho họ tập trung kéo đến đường băng để xem máy bay khi chiếc máy bay đầu tiên xuất hiện tại ngoại ô Xieng Khouang. Người Mông không chỉ tụ tập để quan sát mà còn theo dõi cả việc người phi công trên cabin điều khiển các chức năng của máy móc. Tôi cũng đã được chứng kiến việc tương tự như vậy đối với một chiếc xe jeep. Phụ nữ có thể sử dụng máy khâu một cách nhanh chóng. Đàn ông cũng biết sử dụng các dụng cụ mới rất nhanh. Thậm chí một con búp bê được nhập khẩu, giới tính của con búp bê này là gì họ cũng muốn biết. Một trận thi đấu bóng đá, một chiếc xe đạp hoặc bất kỳ cái gì mới cũng được người Mông quan tâm khám phá và làm cho nó phù hợp với cuộc sống của họ.

Những thay đổi gần đây đang ảnh hưởng tới lĩnh vực chính trị, văn hóa của người Mông. Cây cầu chính trị - ở cấp huyện - đã gắn người Mông với Chính phủ quốc gia Lào. Tuy nhiên, sự quan tâm không ngao đến thể chế chính trị đã bắt đầu xuất hiện, người Mông được công nhận là công dân nước Lào và cũng có đại diện tại Quốc hội. Sự tăng thuế bắt buộc, giấy đăng ký kết hôn và nhiều giấy phép khác nhau như giấy phép bán hàng hóa, chặt đốn cây đã ảnh hưởng trực tiếp đến người Mông và điều đó đã kích lệ sự quan tâm của họ tới lĩnh vực chính trị. Sự quan tâm này tăng đồng thời với sự tăng việc biết đọc, biết viết, sự liên lạc thường xuyên với thị trấn Xieng Khouang và người Mông có thể trở thành ứng cử viên các cơ quan chính trị cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Những thay đổi này vẫn chưa ảnh hưởng lớn tới tổ chức chính trị của người Mông ở cấp làng bản bởi hệ thống quyền lực truyền thống vẫn được sử dụng. Tuy nhiên, sự tăng các biện pháp tham gia vào các chương trình của chính phủ, như: thuế, lập pháp và quân đội báo hiệu sự thay đổi mạnh mẽ quan điểm cơ bản của người Mông hướng về quyền lực.

Với sự hợp tác này, người Mông nhận được cơ hội lớn về giáo dục, chăm sóc y tế, sự công nhận của tất cả các cơ quan dân sự. Có lẽ giáo dục là sự tiến bộ ý nghĩa nhất đối với khu vực. Tại nhiều làng của người Mông, trường học đã được thành lập cho mỗi làng. Thường thì làng có thể tự trả lương cho thầy giáo người Lào, cao hơn lương của chính phủ trả cho các trường công lập chính thức. Thật sự vẫn có rất ít người Mông biết chữ nhưng hiện nay đang tăng với tốc độ nhanh. Tại Xieng Khouang, các trường công lập nhận trẻ em người Mông biết đọc, biết viết chữ Lào. Những đứa trẻ này được nhận học bổng mức cao để hoàn thành cấp tiểu học. Một số được đến trường tại Vientiane và tôi cũng đã biết có ít nhất một người đang theo học trường cao đẳng tại Sài Gòn. Những người khác được nhận sự đào tạo đặc biệt các ngành thương mại và dạy nghề.

Sự thay đổi kinh tế, chính trị và giáo dục chắc chắn tác động đến lĩnh vực xã hội. Sự xâm nhập của nền kinh tế tiền tệ, việc mở rộng hơn sự tham gia vào lĩnh vực chính trị và phát triển giáo dục (đặc biệt

các chương trình học buộc những thanh niên phải sống xa nhà trong thời gian dài) đã đưa gia đình, xã hội người Mông vào nỗ lực hội nhập đầu tiên.

Tóm lại, có thể nhận thấy những vấn đề căng thẳng. Một đứa trẻ theo học nhiều tháng tại thị trấn Xieng Khouang. Đứa trẻ đó đã không còn phụ thuộc vào sự thừa nhận về mặt xã hội của gia đình. Nó trở về nhà với kiến thức, trí tuệ cao hơn những người lớn tuổi hơn và có lẽ kết quả cuối cùng là mong muốn được nắm quyền thống trị gia đình hoặc có thể ra đi trở thành chuyên gia trong một số ngành lao động mới. Một số người vẫn là thành viên của gia đình; họ sử dụng kỹ năng mới của mình để phát triển kinh tế và tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động truyền thống. Một số người khác dường như quên những đòi hỏi của gia đình đối với họ và họ trở nên độc lập. Đây dường như là chủ đề bị phê bình, chỉ trích từ phía cư dân người Mông.

Lao động hưởng lương là một phần của những vấn đề gây căng thẳng. Hộ gia đình đã cố gắng đáp ứng nhu cầu tiền mặt với sự nỗ lực tham gia của toàn bộ gia đình như thuốc phiện, tăng gia sản xuất và bán các sản phẩm dư thừa. Sự nỗ lực chung củng cố mô hình xã hội truyền thống của người Mông nhưng lao động tiền lương và sự chuyên môn hóa lao động có xu hướng đặt trật tự cấu trúc xã hội người Mông vào căng thẳng.

Sự thay đổi về mặt chính trị không phải là nguyên nhân gây nên khó khăn trầm trọng cho gia đình nhưng nó đe dọa sự ổn định gia đình. Những cuộc bầu cử tự do cho phép một cá nhân tôn trọng và tin tưởng vào những con người mà theo truyền thống không được thừa nhận, sự bất ổn có thể phát triển trong hệ thống xã hội hiện tại. Người ta có thể nhận thấy những người không có trách nhiệm với gia đình và họ bị coi là lệch lạc, những quan điểm như vậy có thể mở ra xu hướng trong đó những sự phát triển mới về chính trị đã có sự đóng góp của họ.

Mặc dù đã có nhiều thay đổi trong văn hóa người Mông nhưng việc kết hôn giữa người Mông với các nhóm dân tộc khác là rất ít. Người Mông dường như muốn bảo vệ bản sắc và sự khác biệt của mình, mong muốn này thậm chí được nhận ra trong hoàn cảnh đã thay đổi. Dù cho những căng thẳng, hình mẫu văn hóa của người Mông đã trở

nên rộng lớn hơn nhưng không thay đổi nhiều khi tiếp nhận các yếu tố mới. Họ dường như sẵn sàng chấp nhận công nghệ và phương pháp mới để toàn bộ xã hội người Mông có được lợi ích và trở nên nổi bật.

Có lẽ đây là phong trào tiếp thêm sức mạnh mới (tái sinh) như Wallace định nghĩa: “Sự nỗ lực thận trọng, có tổ chức và có ý thức của các thành viên trong xã hội nhằm xây dựng một nền văn hóa ngày càng thêm tuyệt vời”¹. Người Mông dường như được hoàn thiện một cách có ý thức để được công nhận trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống: chính trị, kinh tế, nghề nghiệp và giáo dục. Sự công nhận lòng trung thành của tộc người này bởi chính phủ liên bang có thể nhận thấy. Chính phủ xem xét thái độ này của người Mông với một sự lo lắng và gần đây đó chính là nguyên nhân dẫn tới sự sợ hãi. Đây chính là lý do tại sao chính phủ ngăn cấm việc in ấn bất cứ tài liệu nào bằng ngôn ngữ Mông. Chính phủ sợ rằng chữ viết riêng có thể là điểm tựa cho cảm xúc nhóm mạnh mẽ của người Mông. Do vậy, phá hủy tất cả hy vọng thiết lập một quốc gia thống nhất, điều đó có thể vượt qua rào cản dân tộc.

Tóm lại, tôi đã cố gắng chỉ ra những thay đổi nhanh chóng đang xảy ra với văn hóa người Mông. Tôi không đề cập một cách chi tiết liệu những thay đổi này là tốt hay xấu. Luận văn của tôi quan tâm tới tình trạng thay đổi liên tục của văn hóa người Mông, những thay đổi này đã diễn ra ở hầu hết các khía cạnh đời sống của người Mông và người Mông đang duy trì bản sắc dân tộc mình.

Chương IV

SỰ KITÔ HÓA TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MÔNG TẠI LÀO

Phần 1: Bước đầu truyền giáo và tiếp nhận đức tin Kitô

Những phần trước của luận văn nhằm cung cấp kiến thức và trong phần này tôi muốn kết nối việc miêu tả quá trình lịch sử truyền giáo vào người Mông với những nhân tố dẫn tới sự tiếp nhận niềm tin Kitô.

Chương III đã miêu tả những thay đổi gần đây trong văn hóa người Mông. Niềm tin tôn giáo của người Mông - có nhiều sự giải thích khác nhau - dường như không thể thỏa mãn chức năng cổ kết trong quá trình hội nhập của xã hội người Mông và các yếu tố văn hóa của

nó. Những thay đổi đã diễn ra trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và giáo dục của người Mông, lĩnh vực tôn giáo dù còn nhiều giải thích khác nhau nhưng về cơ bản nó không thay đổi.

Có thể nói rằng, những thay đổi này có nguy cơ dẫn tới sự tan rã nền văn hóa người Mông. Những thay đổi này tấn công vào cốt lõi của xã hội người Mông, đó là gia đình. Niềm tin tôn giáo của người Mông dường như không thể đương đầu với những rối loạn ngày càng gia tăng trong gia đình. Điều này dường như đã tạo ra nhu cầu có những yếu tố tôn giáo mới để củng cố gia đình. Đồng thời, những thay đổi đó không làm mất hy vọng về sự đổi mới trong lĩnh vực tôn giáo. Hoàn cảnh này đã đưa văn hóa và xã hội người Mông vào trạng thái sẵn sàng cho sự đổi mới tiếp nhận Kitô giáo. Sự sẵn sàng này xuất phát chủ yếu từ sự thay đổi trong văn hóa, dường như đây là nhân tố chính đầu tiên và phổ biến đưa tới sự tiếp nhận Kitô giáo của người Mông.

Các Hội Truyền giáo Tin Lành đã được thiết lập ở Lào khoảng 15 năm trước khi giáo sỹ đầu tiên tới Xiêng Khouang năm 1940. Chiến tranh Thế giới lần thứ II đã dẫn tới những chuyến viếng thăm đầu tiên kết thúc một thời kỳ rời rạc. Thời gian này các giáo sỹ Công giáo cũng tiến hành truyền giáo tại thị trấn Xiêng Khuoang với sự giúp đỡ của người Pháp. Họ đã tiếp xúc với người Mông nhưng không nhiều và chưa thu được kết quả.

Cuối năm 1949 là thời kỳ truyền giáo đầu tiên. Gia đình giáo sỹ đến thường trú tại thị trấn Xieng Khuoang và bắt tay vào chương trình nghiên cứu ngôn ngữ Lào. Tháng 5 năm 1950, gia đình giáo sỹ này đã tới Việt Nam để tham dự hội thảo của các giáo sỹ. Trong thời gian chuyển tiếp này, một Kitô hữu người Khmú từ tỉnh Luang Prabang đến trông coi tài sản của gia đình giáo sỹ và giữ liên lạc với cư dân địa phương để thông báo cho họ rằng giáo sỹ sẽ trở về. Tín đồ người Khmú này tên là Kheng, một truyền đạo viên trẻ đã theo học tại trường Thánh Kinh ở Luang Prabang được một năm. Kheng biết hai thứ tiếng: Khmú và Lào, đã làm chứng đạo trước cộng đồng người Khmú và người Lào nhưng nhận được ít sự quan tâm. Người đầu tiên chú ý lắng nghe anh ta là Po Si - một thầy Shaman người Mông (tu ua neng)². Po Si tuyên bố rằng, hai năm trước một thầy Shaman nữ đã có

một giấc mơ. Bà được thông báo rằng, trong vòng hai năm nữa sẽ có một người đến và giảng cho người Mông về Chúa Trời (Fua tai). Do đó Po Si quan tâm đến thông điệp về đức tin Kitô.

Ở điểm này, tôi muốn thảo luận với tư cách giáo sỹ và miêu tả một cách tóm tắt thông điệp về đức tin Kitô như những gì đã được truyền giảng cho người Mông. Điều này có lẽ là cần thiết để hiểu đầy đủ luận văn này. Những mô tả sau đây được rút từ kinh nghiệm cá nhân đầu tay.

Một làng người Mông không theo Kitô giáo đã cử hai người đi mời một người nào đó đến giải thích về đức tin Kitô cho dân làng nghe. Họ đã đến nhà của tôi và dù cho tôi đã muốn trì hoãn cuộc gặp gỡ sau ba ngày, nhưng ông ta bị hai người này thuyết phục đi luôn vào ngày hôm đó. Giáo sỹ và một mục sư người Lào đi bằng xe jeep và ngựa. Họ đến được làng vào lúc chạng vạng tối.

Thông điệp gửi tới dân làng này là điển hình cho thông điệp được gửi đến tất cả các làng người Mông. Mẫu được tóm tắt phác thảo như sau: “Ban đầu chỉ có Chúa Trời (God) tồn tại; Chúa Trời, Fua Tai, tạo ra tất cả, cuối cùng Chúa Trời tạo ra con người, Chúa Trời tạo ra con người khác các loài vật khác, Chúa Trời tạo ra con người vì vậy con người có thể suy nghĩ, nói, suy luận và hành động một cách có trí tuệ, Chúa Trời tạo ra loài người có sự giao hảo với Chúa Trời, loài người không vâng lời Chúa Trời; chính đây là khởi đầu của tội lỗi (tsi); Chúa Trời không có tội lỗi và không có gì để làm với tội lỗi, tội lỗi đã đem đến cái chết của thể xác, tội lỗi chính là nguyên nhân chia cắt giữa loài người và Chúa Trời, Chúa Trời hứa với loài người rằng sẽ cho họ một phương pháp, từ đó tình hữu hảo này sẽ được tái thiết lập và tội lỗi và sự trừng phạt tội lỗi có thể ra khỏi con người, Chúa Trời hứa sẽ đưa Chúa cứu thế đến (Savior- tu tyau), trong kế hoạch của Chúa Trời, Jesus (Yesu) được sinh ra từ một người đàn bà, được hoài thai bởi Chúa Thánh Linh, Jesus sống trên Trái Đất nhưng không có tội lỗi, nhiều người đã tức giận khi Jesus nói rằng Jesus là con của Chúa Trời, Chúa Trời cho phép những người này giết Jesus bởi sự vô tội của Jesus mang đi tất cả sự trừng phạt tội lỗi của loài người, sau ba ngày Jesus xuất hiện, điều đó đã được nhiều người chứng kiến; Jesus nói rằng Ngài sẽ đến một nơi đặc biệt để chuẩn bị chỗ cho tất cả những ai

tin Ngài là Đấng cứu thế; Jesus hứa sẽ quay trở lại với các tín hữu, Ngài hứa gửi Chúa Thánh Linh ở lại với các tín đồ khi Ngài ra đi; Chúa Thánh Linh đã đến và vẫn ở đây; Chúa Thánh Linh ngự trong lòng các tín hữu. Tất cả những điều này và còn nhiều chi tiết hơn nữa dành cho loài người đã được viết trong một cuốn sách; nó được viết bằng nhiều ngôn ngữ, sách có thể bằng chữ Lào nếu bạn đọc được chữ Lào; nếu bạn tin Jesus là Đấng cứu thế chuộc những tội lỗi của bạn thì khi đó những tội lỗi của bạn sẽ mất đi, thay vào đó là tình hữu hảo với Chúa Trời thông qua Chúa Thánh Linh và được đảm bảo cuộc sống vĩnh hằng với Chúa Trời”.

Thông điệp này được trình bày trong vài giờ, mỗi khái niệm mới này đều đầy ý nghĩa với người Mông. Các giáo sỹ và các truyền đạo sinh nhận ra rằng việc làm chứng về đức tin Kitô là không đủ. Chúa Thánh Linh được xem là cần thiết cho sự thiết lập niềm tin Kitô nơi các tín hữu, nhờ đó mối quan hệ giữa Chúa Trời và con người trở thành hiện thực.

Thông điệp này được trình bày trong ngôi nhà khách của trưởng làng, làng này có 28 hộ gia đình với gần 300 nhân khẩu. Buổi thuyết giảng kéo dài từ 8 giờ tối đến 2 giờ sáng. Cuối buổi, dân làng được yêu cầu suy ngẫm về những gì đã được nghe. Ông trưởng làng tham khảo ý kiến của những người cao tuổi và ngay sau đó, với sự xúc động mãnh liệt, họ bày tỏ mong muốn toàn bộ dân làng được trở thành Kitô hữu.

Bắt đầu từ rạng đông, mỗi gia đình đều được viếng thăm. Những lời truyền giảng về Kitô đã được giải thích một cách đơn giản nhất có thể. Các gia đình được khuyến khích cầu nguyện Fua Tai Jesu và họ đã cầu nguyện mà không do dự. Tới khi họ tuyên xưng đức tin vào Đấng Kitô là Chúa cứu thế và Chúa Trời, các đồ thờ trên người họ, trong nhà, ngoài cánh đồng được vứt đi. Công việc đã được tiến hành trong hai ngày.

Tôi được biết rằng, việc tuyên xưng đức tin của một người Mông là tiêu chuẩn cơ bản để nhận biết anh ta thực sự là một tín hữu. Người ta có thể nhận thấy nhiều vấn đề thuộc khía cạnh tâm lý nảy sinh từ đức tin này. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, Chúa Thánh Linh thiết lập niềm tin Kitô trong mỗi tín hữu, điều này đòi hỏi sự tự nguyện chấp nhận

của tín đồ. Sự phát triển sau này về chuẩn mực luân lý đạo đức và các yếu tố văn hóa khác đều bắt nguồn từ cam kết đầu tiên này. Đức tin Kitô được xem là một hiện tượng siêu văn hóa (a super-cultural phenomenon).

Kết luận của đoạn này bàn về thông điệp Kitô giáo, tôi trở lại vị trí của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội để tiếp tục thảo luận về sự tiếp xúc giữa truyền đạo viên người Khmú và thầy Shaman người Mông - Po Si.

Sau khi nghe thông điệp về đức tin Kitô, Po Si bị thuyết phục bởi chân lý của đức tin và trở thành người Mông đầu tiên tuyên xưng đức tin Kitô. Từ đó anh ta không còn thực hiện chức năng của một thầy Shaman. Điều này có thể được giải thích bằng một từ trong ngôn ngữ Mông “ntseng” có nghĩa là “tin” (to believe) và từ này chuyển tải một khái niệm vĩ đại hơn nhiều so với nghĩa là sự đồng ý. Nó còn có nghĩa là sự tin tưởng và sự phục tùng. Có thể đi tới kết luận rằng khi Po Si tuyên bố anh ta tin vào Jesus, ntseng Fua Tai Yesu, anh ta không chỉ tin Jesus là Chúa cứu thế mà còn thừa nhận rằng anh ta đang đặt lòng tin vào điều mới mẻ. Điều này dường như ngăn ngừa sự tiếp tục với những liên hệ trước đây.

Tuy nhiên, một điều cần chú ý rằng, Po Si vẫn rất có uy tín và ảnh hưởng trong cộng đồng người Mông. Sau khi tin theo Kitô giáo, Po Si cầu xin Kheng đi cùng về làng của mình để giải thích thông điệp đức tin Kitô cho trưởng làng và dân làng. Kheng đã làm theo yêu cầu của anh ta trong khi dịch Po Si làm chứng đức tin Kitô của mình. Kết quả là ông trưởng làng thông báo rằng, ông ta cũng muốn chấp nhận đức tin Kitô. Sau ông ta, toàn bộ dân làng cũng làm như vậy.

Ngay sau đó, Po Si và Kheng được mời đến các làng khác và việc truyền giảng được lặp đi lặp lại. Cứ như vậy các ông trưởng làng, chủ hộ hoặc thầy Shaman đến gặp hai người, sau khi nghe giảng về thông điệp này, họ dẫn dắt dân làng của mình tiếp nhận đức tin Kitô. Số lượng Kitô hữu đã tăng lên rất nhanh theo cách này.

Dù cho Po Si không còn thực hiện chức năng của một thầy Shaman nhưng uy tín của anh ta không bị giảm đi, ngược lại, lại càng tăng lên

khi Kitô giáo được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng của anh ta. Điều này thực sự đúng ở thời kỳ đầu truyền giáo. Sau này vai trò của người hành nghề tôn giáo được thừa nhận và đảm bảo bởi chính sự hiểu biết sâu sắc và ảnh hưởng của họ trong đức tin Kitô.

Điều này cho thấy đây là nhân tố chính thứ hai đưa người Mông tới sự tiếp nhận Kitô giáo. Nhân tố này chính là uy tín của “người đổi mới” (innovator).

Giáo sỹ không có vai trò gì trong thời kỳ đầu quá trình Kitô hóa cộng đồng người Mông. Tác nhân đưa tới sự đổi mới là Kheng - truyền đạo sinh người Khmú. Po Si thực sự là người tiên hành đổi mới. Đường như Po Si là nhân tố chính đưa dân làng theo Kitô giáo. Thực tế cho thấy khi người hành nghề tôn giáo trước đây tin theo Kitô giáo điều đó đã tạo ra uy tín đồng thời thúc đẩy phong trào theo Kitô giáo.

Với sự tôn trọng uy tín, mối quan hệ giữa người tiên hành đổi mới và sự đổi mới là mối quan hệ tương hỗ. Thực tế cho thấy sự truyền giảng đem đến cho anh ta vinh quang, cái mới được gắn với anh ta trong tâm trí của nhóm và thành công hay thất bại trong việc có được uy tín tùy thuộc vào những người chấp nhận cái mới sau này, tùy thuộc vào địa vị của anh ta...³.

Có thể kết luận rằng, Po Si đã trao uy tín của mình cho đức tin Kitô và kết quả đưa tới phong trào theo Kitô giáo. Uy tín của anh ta ngày càng tăng lên. Đây là sự tương tác của mối quan hệ hai chiều.

Bây giờ trở lại với các sự kiện lịch sử được sắp xếp theo trật tự một cách tương đối. Sau khi tham dự hội thảo, một trận bão đã làm trì hoãn vài tuần việc quay trở về của giáo sỹ. Khi về tới Xieng Khouang, giáo sỹ bất ngờ trước tình huống đã thay đổi. Hàng nghìn người Mông đã tuyên xưng đức tin Kitô. Giáo sỹ đề nghị sự giúp đỡ vì ông không thạo tiếng Lào. Một cặp vợ chồng giáo sỹ nói được tiếng Lào đến Xieng Khouang làm nhiệm vụ tạm thời và một mục sư người Lào tên là Saly tự nguyện tiếp tục trông coi ngôi nhà. Không ai trong số họ nói được tiếng Mông. Họ đã hỗ trợ thành lập trường Thánh Kinh đào tạo các truyền đạo sinh và một trung tâm của Hội thánh ở ngoại ô Xieng Khouang.

Một sự kiện có ý nghĩa đã xảy ra khoảng tám tháng sau phong trào Kitô giáo. Touby, một người có địa vị cao, yêu mến Kitô giáo và tham dự thánh lễ thường xuyên. Ông đã mời giáo sỹ và tất cả các truyền đạo viên tới nhà và bày tỏ ý muốn toàn gia đình trở thành tín hữu. Ông không muốn ghi vào hồ sơ việc trở thành Kitô hữu bởi lý do chính quyền Phật giáo, tuy nhiên toàn bộ gia đình ông, các bà vợ và tất cả các con tuyên bố chấp nhận đức tin Kitô. Sau đó Touby hủy bỏ toàn bộ đồ thờ cúng. Bà vợ thứ nhất của ông là người sùng đạo và trung thành ủng hộ hội thánh địa phương. Bà cũng là một trong những người đầu tiên được làm lễ Báp tem. Nhưng những người còn lại trong gia đình Touby không sùng đạo. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của bà vợ cả đã làm tăng thêm uy tín cho phong trào. Touby thường xuyên mời giáo sỹ và truyền đạo viên đến nhà ông thuyết giảng, giải thích về đức tin Kitô cho bạn bè hoặc các quan chức trong huyện khi họ đến thăm ông.

Thái độ của Touby thậm chí đã đưa một số lượng đáng kể người Mông tiếp nhận đức tin Kitô. Ông có vai trò trực tiếp trong việc cải đạo của Sai Pao, một chủ tịch huyện người Mông. Ông chủ tịch huyện và toàn bộ gia đình ủng hộ mạnh mẽ cho đức tin Kitô. Sai Pao đã buông lỏng quản lý về mặt chính trị ở nhiều làng và ông có công trong việc dẫn dắt một số lượng lớn người dân dưới quyền quản lý theo Kitô giáo.

Sự ủng hộ mới cho phong trào Kitô giáo nêu trên cho thấy khía cạnh khác của nhân tố uy tín mà Linton đã đưa ra có liên quan tới sự chấp nhận đổi mới. Có lẽ sự đổi mới thấm vào văn hóa từ những người có địa vị cao tới những người có địa vị thấp hơn, điều này hiếm khi xảy ra từ nhóm địa vị thấp tới nhóm địa vị cao⁴.

Đường như có thể nhận thấy nếu ngay từ đầu giáo sỹ dẫn dắt những đứa trẻ thuộc gia đình lao động theo Kitô giáo thì sự phát triển của giáo hội ở Xiêng Khouang đã không đạt được thành tựu như đã có. Người Mông luôn luôn có nghĩa vụ tôn trọng người lãnh đạo của họ và khi những người lãnh đạo này là những người đầu tiên theo Kitô giáo, kết quả tự nhiên là người Mông nói chung không cưỡng lại sự đổi mới và nhận thấy đó là phù hợp khi chấp nhận đức tin Kitô. Thuật ngữ “phù hợp” (convenient) được sử dụng trong trường hợp này với hàm ý đề cập tới toàn bộ hoàn cảnh dẫn tới sự tiếp nhận niềm tin Kitô.

Tôi không miêu tả sự truyền bá Kitô giáo “từ làng này tới làng khác” mà muốn minh họa sự khởi đầu phong trào Kitô giáo và sự phát triển sau này của phong trào. Touby, ông chủ tịch huyện và một số nhà lãnh đạo khác đã nâng cao uy tín cho phong trào. Đặc biệt sau vài tháng đầu tiên của phong trào, Po Si không còn là người tiến hành đổi mới duy nhất mà là một trong nhiều người đổi mới. Hầu như mỗi làng đều có người đổi mới của riêng mình, một người có địa vị, đưa dân làng tới sự tiếp nhận đức tin Kitô. Một số làng không chấp nhận đức tin do không có người làm mẫu (pattern) dẫn dắt. Không xuất hiện sự hận thù nào giữa làng người Mông theo Kitô giáo hay không theo.

Nhân tố thứ ba dẫn tới sự mở rộng việc tin theo Kitô giáo của người Mông liên quan tới tổ chức xã hội người Mông với tầm quan trọng của dòng họ và hộ gia đình - đơn vị cơ bản của xã hội. Đức tin Kitô được rao giảng cho trưởng làng, chủ gia đình từ làng này tới làng khác, điều đó đã không nằm trong hoạch định chiến lược của các giáo sỹ. Những ảnh hưởng từ địa vị quyền lực cùng với giá trị uy tín của những người tiếp nhận đức tin Kitô này đã đưa tới phong trào Kitô là một phần của nhân tố uy tín.

Tuy nhiên, nhân tố thứ ba này dường như là cơ bản hơn. Dưới góc độ dân tộc học người Mông, hộ gia đình được mô tả như sức mạnh hội nhập đầu tiên của xã hội và văn hóa người Mông. Trên thực tế, đức tin Kitô không được những người mà xã hội người Mông cho là lệch lạc, không hạnh phúc chấp nhận, nhưng chính những người lãnh đạo và gia đình của họ thực sự là nhân tố quan trọng trong việc phổ biến Kitô giáo. Sự tiếp nhận theo nhóm không dẫn tới việc chia rẽ gia đình giống như sự chấp nhận đổi mới mang tính cá nhân đã được miêu tả ở Chương III về những thay đổi trong văn hóa người Mông.

Bởi gia đình là trung tâm trong cuộc sống người Mông, việc tiếp nhận đức tin Kitô theo đơn vị gia đình đã làm cho đức tin có vị trí cao trong đời sống người Mông. Đức tin thấm vào từng mặt văn hóa xã hội của họ. Thay bằng việc tạo ra áp lực hơn đe dọa sự ổn định của gia đình, đức tin tái thiết lập vị trí của gia đình trong xã hội người Mông và tăng cường sự đoàn kết nhóm. Thậm chí, đức tin có thể giúp phá vỡ áp lực ảnh hưởng tới gia đình do những thay đổi văn hóa nhanh chóng ở khu vực Xieng Khouang.

Việc tiếp nhận đức tin theo đơn vị gia đình không chỉ làm tăng số lượng mà còn thúc đẩy sự thâm nhuần đức tin. Đó chính là kênh tự nhiên cho đức tin Kitô biểu đạt trong văn hóa người Mông. Rất có thể nhiều yếu tố văn hóa, xã hội người Mông vẫn đang tương tác với đức tin Kitô và sự biểu đạt của đức tin trong các yếu tố này chưa được biểu lộ một cách rõ ràng. Vấn đề này sẽ được thảo luận sau. Sự tiếp nhận đức tin Kitô theo gia đình có ý nghĩa hơn cả sự tiếp nhận đức tin đầu tiên.

Điều đáng chú ý là gia đình còn đóng vai trò như một tác nhân cho sự phổ biến Kitô giáo. Mỗi quan hệ liên dòng họ thông qua hôn nhân và lễ hội được các Kitô hữu người Mông khai thác để truyền bá đức tin của họ cho những người họ hàng cũng như các thành viên trong dòng họ. Như vậy, gia đình không chỉ là mảnh đất cho đức tin Kitô cắm rễ mà nó còn tham gia vào việc phổ biến đức tin Kitô.

Một lần nữa quay trở lại lịch sử, vào tháng 6 năm 1951, tôi và gia đình ông đến cư trú tại ngoại ô thị trấn Xieng Khouang, khởi sự nhiệm vụ giản lược ngôn ngữ Mông để sáng tạo chữ viết. Thời điểm đó là khoảng một năm sau khi Po Si cải đạo. Đúng lúc đó cặp vợ chồng giáo sỹ đến làm nhiệm vụ tạm thời đã dời đi. Đôi vợ chồng giáo sỹ đầu tiên làm giảng viên cho trường Thánh Kinh thêm tám tháng nữa và sau đó được nghỉ phép. Tôi và Saly đảm trách toàn bộ công việc. Saly dạy tại trường Thánh Kinh bởi từ thời điểm đó chính phủ yêu cầu trường dạy bằng tiếng Lào. Tôi chịu trách nhiệm công việc hành chính và tiếp tục nghiên cứu ngôn ngữ.

Tháng 3 năm 1953, tôi, Saly và gia đình của họ, cùng những nhà chức trách chính quyền Pháp - Lào sơ tán khỏi Xieng Khouang do sự xuất hiện đột ngột của Việt Minh ở Lào. Xieng Khouang là tỉnh đầu tiên đặt dưới sự kiểm soát của người Cộng sản. Ngoại trừ một sân bay cách thị trấn Xieng Khouang 25 dặm được phòng thủ vững chắc, toàn bộ khu vực chịu sự chi phối của người Cộng sản. Dù cho thị trấn lấy lại quyền kiểm soát sau vài tuần, nhưng không công dân nào được phép vào thị trấn trong vòng 18 tháng kể từ tháng 3 năm 1953. Tôi được phép đi nhờ xe quân sự vào thị trấn để thực hiện hai cuộc gặp gỡ ngắn. Trong thời gian người Cộng sản ở đây, có khoảng 3.000 tín đồ

cư trú tại 56 làng bản cùng một số lượng lớn tín đồ người Khmú và một số tín đồ người Lào.

Khi giao tranh kết thúc, tôi đang được nghỉ phép và gia đình giáo sỹ đầu tiên quay trở lại cư trú tại Xieng Khouang. Saly được cử đến trước gia đình ông vài tuần. Các bản báo cáo được gửi tới khi giáo sỹ quay trở lại, thống kê cho biết có khoảng 5.000 đến 6.000 tín đồ cư trú ở 96 làng. Người Mông chiếm 70% số lượng tín đồ. Như vậy, Hội Thánh đã tăng đáng kể trong khi vắng giáo sỹ.

Hoạt động của giáo sỹ tại Xieng Khouang thường là công việc về ngôn ngữ và hành chính. Các giáo sỹ đảm trách trường Thánh Kinh và Hội Thánh trung tâm. Saly đảm nhiệm công việc giảng dạy tạm thời tại trường Thánh Kinh đồng thời kiêm cả công việc của quận. Ông gặp gỡ dân làng theo Kitô giáo, dạy dỗ các Kitô hữu và thường trả lời các câu hỏi của người dân ở những làng không theo Kitô giáo. Tuy nhiên, công việc truyền bá Phúc âm chủ yếu quan tâm tới các dân tộc.

Chương trình thường niên của cộng đồng Kitô hữu ở khu vực Xieng Khouang bao gồm những công việc sau:

1) Trường Thánh Kinh tổ chức các khóa học thường niên. Những khóa học này kéo dài từ 6 tuần tới 4 tháng. Các học viên sử dụng thời gian giữa các khóa học làm công tác mục vụ tại các làng theo Kitô giáo hoặc tiến hành công việc Phúc âm hóa tại các khu vực khác.

2) Nhà thờ Xieng Khouang được xem như một trung tâm phục vụ toàn bộ khu vực. Tuy nhiên, một số làng đã có nhà nguyện và một số làng khác đang xây dựng nhà nguyện. Nhà thờ Xieng Khouang có một buổi lễ vào các trưa Chủ nhật hàng tuần. Trung bình có khoảng 300 người tham dự. Những người sống gần thị trấn đến nhà thờ thường xuyên. Chủ nhật hàng tuần, các nhóm từ các làng ở xa đến tham gia buổi lễ, nhưng chỉ những Kitô hữu sống gần thị trấn tham gia thường xuyên.

3) Các hội nghị ba ngày được tổ chức vào mùa Giáng sinh và Phục sinh. Những dịp này trở thành mùa lễ hội với 1.200 đến 2.000 người tham dự. Ngoài các buổi lễ phụng vụ hàng ngày còn có các hoạt động giải trí và đại tiệc.

Các hạng mục của chương trình thường niên được thực hiện theo đúng thể thức. Công việc thuộc các lĩnh vực khác gồm hội nghị các thành viên Hội Thánh, trường học tại các làng dưới sự dẫn dắt của các vị truyền đạo và các dự án đặc biệt. Tóm lại, đây là bức tranh chung về các giáo sỹ và chương trình của Hội Thánh tại tỉnh Xieng Khouang.

Phân tích sâu hơn nữa sự tiếp nhận Kitô giáo tại Xieng Khouang cho thấy thêm hai nhân tố có quan hệ chặt chẽ. Nhân tố thứ tư và thứ năm này là “sự thay thế” (substitution) và “sự hiểu biết” (understanding). Có lẽ Kitô giáo không thể thay thế được Hồn linh giáo của người Mông (Meo animism) nếu như người Mông không có sự hiểu biết đức tin Kitô. Như vậy, ít nhất Xieng Khouang là một ví dụ về tính hiệu quả của biện pháp.

Quan điểm của Po Si đối với đức tin Kitô là một hình mẫu cho những thầy Shaman người Mông khác. Thầy Shaman nói chung thường chấp nhận Kitô giáo cùng với dân làng của anh ta. Anh ta thường là người lãnh đạo việc tiếp nhận tôn giáo mới này. Khi trở thành Kitô hữu, anh ta không còn thực hiện chức năng theo truyền thống. Tuy nhiên, vai trò của người hành nghề tôn giáo vẫn tiếp tục ảnh hưởng bởi sự công nhận một nhà lãnh đạo Kitô giáo có thể đã từng là một thầy Shaman.

Vào một dịp, giáo sỹ đã được biết tới danh tiếng của một thầy Shaman ở một làng mà toàn bộ dân làng quyết định đi theo Kitô giáo⁵. Ông đã cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của việc này khi cả làng quyết định tiếp nhận đức tin Kitô. Ông trưởng làng nói rằng, thầy Shaman đã thuyết giảng một cách đơn giản về tlan (các linh hồn - spirits), dân làng đã trở thành Kitô hữu mà không cần phải kêu gọi. Dường như sự kiện này cho thấy niềm tin Kitô được tiếp nhận như một sự thay thế hiệu quả nhưng không có nghĩa là không có sự hiểu biết.

Mỗi gia đình khi trở thành Kitô hữu có giáo sỹ hoặc truyền đạo viên hủy bỏ tất cả đồ thờ cúng. Có điều không rõ là trường hợp đầu tiên hủy bỏ đồ thờ cúng do người cải đạo hay giáo sỹ đề nghị. Tuy nhiên, điều rõ ràng là những tân tín đồ này coi việc hủy bỏ đồ thờ cúng là sự thể hiện đức tin của họ vào Đấng Kitô. Điều hoàn toàn rõ là đức tin Kitô đã thay thế chức năng của đồ thờ cúng.

Tuy nhiên, sự thay thế này sẽ là không thỏa đáng nếu không có sự hiểu biết đức tin Kitô và sự vận hành của đức tin Kitô như thế nào trong nền văn hóa người Mông. Người Mông được dạy rằng, Chúa Trời hấp dẫn tín đồ bởi mối quan hệ cha-con. Sự cầu nguyện của từng cá nhân với Chúa có hiệu quả hơn sức mạnh từ sự thờ cúng trước đây. Như đã phân tích ở trên về từ “*ntseng*” trong ngôn ngữ Mông cho thấy rằng khái niệm này có nghĩa niềm tin, sự tin tưởng và vâng phục có thể giúp người ta thấm nhuần và tin vào sự đảm bảo rằng đức tin Kitô xứng đáng thay thế niềm tin vào sự siêu nhiên trước kia của họ.

Có lẽ “sự thay thế” và “sự hiểu biết” có thể được minh họa rộng hơn qua sự so sánh phản ứng của người Mông với Công giáo và đạo Tin Lành. Tác giả đã cân nhắc khi đề cập tới tình huống sau vì sợ bị coi có quan điểm thiên vị hơn là quan sát khách quan. Tuy nhiên, tôi cảm thấy sự mô tả này có lẽ làm sáng tỏ thêm vai trò của đức tin Kitô với người Mông trong khái niệm về sự siêu nhiên. Như đã đề cập, Công giáo thâm nhập vào Xieng Khouang sớm hơn đạo Tin Lành, nhưng Công giáo đã được rất ít hoặc thậm chí không được người dân địa phương hưởng ứng. Điều này có thể một phần là do các giáo sỹ Công giáo là người Pháp và họ bị coi là liên kết với lực lượng thống trị phương Tây. Cả quân đội và chính quyền dân sự thường xuyên thi hành các biện pháp cho thấy họ không hiểu người Mông và dường như những biện pháp đó hoàn toàn không phù hợp với người Mông. Do bị đồng nhất như vậy nên điều đó đã không giúp ích cho việc truyền Công giáo vào người Mông.

Hơn nữa, tình trạng sống độc thân của các giáo sỹ Công giáo làm người Mông bối rối bởi họ hoàn toàn không có khái niệm rằng bất kỳ người đàn ông hay người đàn bà nào phải sống cô đơn. Họ có mong ước được sống cùng nhau nhằm mục đích tái sản xuất tuân theo hình mẫu của các giống loài khác trong tự nhiên⁶.

Trong một cuộc thảo luận với ông trưởng làng về mối quan tâm tới việc tiếp nhận Tin lành mà không hưởng ứng Công giáo, ông cho biết giáo sỹ Công giáo không dạy người Mông đức tin Kitô có thể thay thế các nghi lễ và đồ thờ cúng trong tôn giáo của người Mông. Ngược lại, giáo sỹ Công giáo tuyên bố rằng người Mông có thể giữ lại các đồ thờ

của họ nhưng họ cũng phải chấp nhận biểu tượng của Công giáo⁷. Ông trưởng làng tuyên bố rằng, ông đã được tiếp cận với thái độ ứng xử này và cách phản ứng của ông là điển hình cho quan điểm của người Mông. Ông nói rằng, người Mông đã có nhiều đồ thờ rồi mà họ lại quá nghèo và quá bận rộn với những thứ đó rồi, họ không muốn nhận thêm nữa. Có lẽ đức tin Kitô không chỉ thay thế Hồn linh giáo của người Mông mà nó thực sự lấp đầy khoảng trống đã tồn tại trong đời sống tôn giáo người Mông - hệ quả của sự căng thẳng mà thay đổi văn hóa đã tạo áp lực với niềm tin Hồn linh giáo của họ.

Đây là nhân tố thứ sáu dẫn tới việc tiếp nhận Kitô giáo. Người Mông thực sự ý thức được bản sắc dân tộc của mình. Có thể đưa ra giả thuyết rằng, họ có lẽ đang ở trong trạng thái “tái sinh” (revitalization). Đường như Kitô giáo đã không làm điều gì ảnh hưởng đến xu thế này. Ngược lại, nó giúp tăng cường ý thức dân tộc.

Trong nội tại, niềm tin Kitô đã củng cố mối quan hệ truyền thống giữa cá nhân và xã hội. Xã hội người Mông khuyến khích sự công nhận cá nhân nhưng giới hạn để đảm bảo không làm ảnh hưởng tới sự đoàn kết và vững mạnh của xã hội. Chủ nghĩa cá nhân được coi là tốt nếu nó đóng góp lợi ích cho xã hội. Xã hội người Mông đạt được mục tiêu nếu nó giúp đỡ các cá nhân để họ có những đóng góp hữu ích. Đức tin Kitô, với mối quan hệ Chúa Trời - con người, đã được tiếp nhận một cách dễ dàng thuận lợi trong tình huống như vậy. Điều này xảy ra với từng cá nhân và thông qua cá nhân đức tin biểu đạt trong văn hóa và xã hội.

Những Kitô hữu người Mông tại Xiêng Khouang chứng tỏ sự tiếp tục trung thành với xã hội của họ. Các cá nhân với tư cách Kitô hữu, họ đang đóng góp cho xã hội của mình giúp làm giảm căng thẳng do thay đổi văn hóa. Như đã nêu ở trên, những thay đổi về kinh tế, giáo dục và đời sống chính trị có khuynh hướng chia rẽ cá nhân ra khỏi xã hội của họ. Với Kitô giáo, xã hội công nhận giá trị của những thanh niên trẻ tham gia trường đào tạo truyền đạo sinh, mong muốn họ trở về làng phục vụ xã hội người Mông. Những truyền đạo viên này dạy người dân về đức tin Kitô, chịu trách nhiệm việc dạy chữ viết, vệ sinh và nghiên cứu đời sống thực tiễn của Kitô hữu.

Dường như điều không tránh khỏi đó là Kitô giáo đưa tới những thay đổi trong văn hóa người Mông. Dù những thay đổi đã xảy ra nhưng cấu hình văn hóa để nhận diện người Mông vẫn chưa bị tan rã. Như vậy, đức tin Kitô có lẽ đang trên tiến trình bản địa hóa trong văn hóa người Mông. Nếu vậy, đức tin Kitô không làm rối loạn mà còn tạo ổn định cho sự hội nhập bên trong của xã hội và văn hóa người Mông.

Về ngoại hiện, đức tin Kitô trở thành đặc điểm phân biệt người Mông ở Xiêng Khouang. Ở khắp nước Lào, người ta bàn nhiều về phong trào Kitô giáo của người Mông ở Xiêng Khouang. Chính phủ đã nhận thấy đức tin Kitô đoàn kết người Mông, chính vì lý do đó chính phủ ban hành lệnh cấm chữ viết của người Mông. Đồng thời, phong trào Kitô giáo đã truyền tới người Mông ở các tỉnh Luang Prabang và Vientiane. Kitô giáo đã trở thành yếu tố nhận diện người Mông. Qua quan sát và tiếp xúc cá nhân, tác giả đã nhận thấy tình cảm dân tộc giữa những Kitô hữu người Mông và mối tương quan tồn tại giữa hai hiện tượng: Kitô hữu người Mông và sự đoàn kết người Mông.

Giáo sỹ không cần cố gắng giải thích cơ sở xã hội hoặc nhu cầu tâm lý của việc tiếp nhận niềm tin Kitô của người Mông. Ông ta coi đó là công việc mang tính siêu văn hóa, siêu nhiên do Chúa Thánh Linh thực hiện trong đời sống của từng cá nhân.

Với tư cách một nhà nghiên cứu khoa học xã hội, tôi xem xét hoàn cảnh thông điệp Kitô được gửi tới người Mông, trình bày tình huống dẫn tới sự tiếp nhận và phổ biến nhanh chóng đức tin Kitô trong người Mông. Tôi đã đề cập sáu nhân tố chính đưa tới tiến trình Kitô hóa này. Những nhân tố đó là (1) Sẵn sàng đổi mới bởi sự thay đổi văn hóa đã phổ biến, (2) Uy tín của những người tiến hành đổi mới do đó dẫn tới sự đổi mới, (3) Sự tiếp nhận Kitô giáo theo hộ gia đình, một đơn vị cơ bản của xã hội, (4) Sự thay thế hợp lý của đức tin Kitô với hệ thống tôn giáo truyền thống, (5) Người Mông hiểu sự thỏa đáng của ý nghĩa đức tin Kitô tạo ra sự thay thế này, (6) Đức tin Kitô hỗ trợ xu hướng hướng tới sự tái sinh văn hóa người Mông.

Những nhân tố dẫn tới sự tiếp nhận Kitô giáo của người Mông chứng minh một cách tích cực cho nguyên lý chung mà Spicer đã đề cập theo cách tiêu cực: Điều dường như có thể... minh chứng cho sự khái quát hóa sau: Người ta kháng cự/chống lại những thay đổi đe dọa nền tảng an ninh của họ. Họ chống lại những thay đổi do được đề xuất mà họ không hiểu; họ chống lại sự ép buộc phải thay đổi⁸.

Nếu có sự kháng cự thì đức tin Kitô đã được một số lượng nhỏ người Mông chấp nhận.

(Kỳ sau đăng tiếp)

Người dịch: Hoàng Thị Bích Ngọc

CHÚ THÍCH:

- 1 Anthony F. C. Wallace, "Revitalization Movements", *American Anthropologist*, Vol. 58, No.2, April, 1956.
- 2 *Tu ua neng* là một thuật ngữ trong ngôn ngữ Mông chỉ người hành nghề tôn giáo, như đã miêu tả trong Chương III.
- 3 Ralph Linton, *Acculturation in Seven American Indian Tribes*, p. 473.
- 4 Sđd., tr. 474.
- 5 Đó chính là làng mà tác giả sử dụng làm ví dụ tại trang 59-61.
- 6 Tác giả không cường điệu hóa điểm này. Người Mông không trồng hai hạt ngô cạnh nhau trừ khi chúng có màu khác nhau bởi chúng sẽ thụ phấn cho nhau.
- 7 Người Mông đề cập tới biểu tượng của Công giáo bằng thuật ngữ đồ thờ/vật thờ - *ilan vang*.
- 8 Edward H. Spicer, *Human Problems in Technological Change*, p. 8.